

NAM KỲ

Nam Kỳ

Giám-đọc: **HỒ-VĂN-TRUNG** *

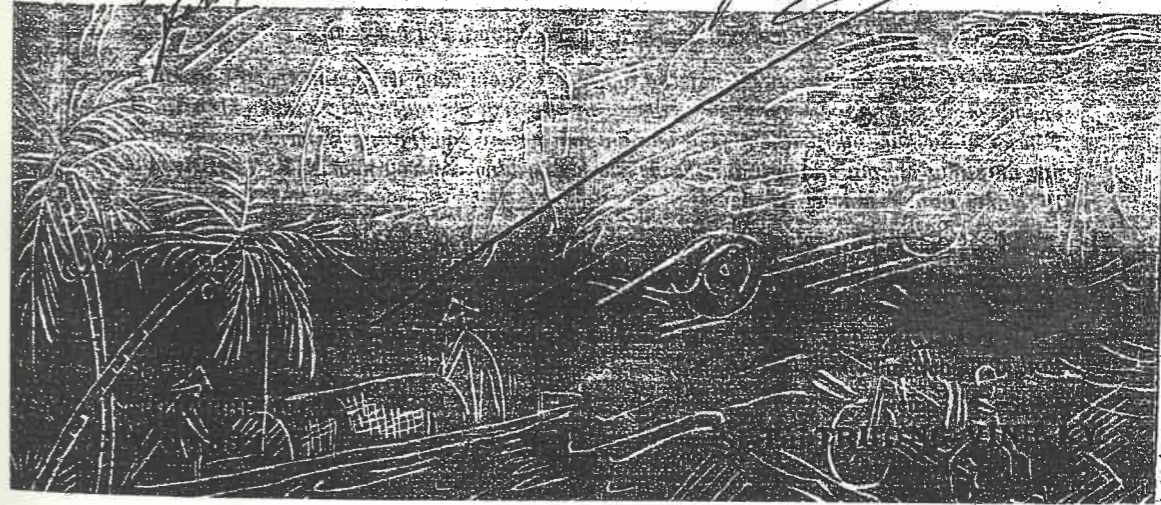
BÀO QUẢN, 5, ĐƯỜNG REIMS, SAIGON — BIÊN-THOẠI SỐ 21.543



*Que cette mesure indirecte prise contre bien à
l'établissement de relations réciproques de plus en
plus strictes, pour le bien des deux pays, qui sont
appelés aujourd'hui, en s'appuyant, le faible sur le
fort, à l'accomplissement de l'œuvre providentielle!*

Saigon le 23 juillet 1947.

Minông Vindô Ky



Kỷ-niệm đệ-nhứt-châu-niên

Nam-Kỳ Tuần-Báo ra đời đã mãn một năm rồi.

Nhờ nhiều bạn văn-nhơn đồng-chí to-điêm rất nhiệt thành, và cũng nhờ các giới đồng-bào gần xa tin lòng nên ủng hộ; bởi vậy N. K. T. B. khi mới xuất hiện thì liền được xanh tươi man mác, rồi lần lần sồn-sơ khỏe mạnh, tinh-thần ngày một thêm cao nhả, hình-thức ngày một thêm sáng lòa.

Sanh giữa thời-kỳ khó-khăn đủ mọi bề; nuôi lấy chủ-nghĩa chân-hưng luân-lý (đi-tiên, bồi bổ nền văn Nam-Việt, với biểu-hiệu «Cần-lao, Gia-đình, Tổ-quốc» của tân Đại-Pháp; đuổi theo chương-trình ruộng mở bước đường cao qui tương-lai, chớ không quên rủ hăm muốn thấp hèn hiện tại, thế mà N. K. T. B. được hoan-ngình tán-trợ, được phát-đặt vững-vàng, đó là một bằng-cớ chứng nhận rõ-ràng chúng tôi đi nhằm đường, mà đó cũng là một phần thưởng giục lòng chúng tôi càng thêm hăng-hái-mà bước-tới, bước tới hoài với đức-tin mạnh-mẽ về tương-lai của nền Pháp-Việt Phục-hưng nơi vùng Đông-Á.

Ái ngó lại trong khoản 12 tháng đã qua, thì cũng đều thấy lòng thành-thiệt và sức cố gắng của chúng tôi. Thật vậy, trót một năm trường mặc dầu giấy mất lại khó mua, mà chúng tôi vẫn lo-lắng làm cho ngoài những số báo thường luôn luôn ra đúng ngày, lại còn xuất bản nhiều số báo đặc-biệt in khéo, giầy tốt, hình lạ, đầu người khó tánh hay là tại-đổ cũng phải hồi tâm mà nhìn-nhận mấy số báo ấy là đẹp và hữu ích, không-phụ hai tiếng «đặc biệt».

Hôm nay nhơn dịp kỷ-niệm đệ-nhứt-châu-niên của Nam-Kỳ Tuần-Báo, chúng tôi còn quyết to-điêm hình-thức thêm rực-rỡ để xứng đáng với công hiệp-tác của các bạn làng văn và để đền đáp ơn tán-trợ của các bạn đọc yêu qui, bởi vậy chúng tôi dùng giầy tốt hơn cho tờ báo thêm vẻ xinh tươi. Đã vậy mà còn mặc dầu nhà in Thanh-Mậu đã nặng tình thân-ái và đã dày công gây dựng tờ báo này, chúng tôi cũng phải ép lòng thay đổi ấn-loát, bắt đầu từ số này chúng tôi in N.K.T.B. tại nhà in lớn S.I.L.I. đặng có chữ-mời và đủ cỡ, đủ kiểu, để sắp coi cho đẹp hơn và cho được nhiều bài hơn.

Chúng tôi xin mách với các bạn đọc yêu qui rằng cũng như trong năm đã qua, chúng tôi cũng sẽ rán cho ra nhiều số đặc biệt nhiều trang, nhiều bài và nhiều hình ảnh đẹp. Những số đặc biệt ấy tự nhiên phải bán giá đắt hơn số báo thường. Nhưng mà đối với bạn đọc mùa năm thì giá báo vẫn giữ theo lệ chớ không tăng. Ấy vậy mà N. K. T. B. trọn năm thì có lợi hơn là mùa lễ từ số.

Chúng tôi ước mong các bạn đồng-bang trong các giới hồi đáp sức cố-gắng của chúng tôi với một tâm lòng tin-nhiệm hoàn-toàn, buộc chặt dây liên-lạc, giữ vững tình-thân yêu giữa các bạn với chúng tôi, đừng năm tay nhau lẫn bộ trên đường chọn chánh thành cáo, là đường của dân-tộc ta từ rày cần phải noi theo và rồi đây sẽ đưa chúng ta đến chốn vinh quang vững bền và rực-rỡ.

Nam-Kỳ Tuần-Báo

TIÊU - SỬ

Si-tai Trương-vinh-Ky

Si-Tai Trương-vinh-Ky mà người đồng thời và kẻ hậu thế quen gọi là Pétrus Ký sanh ngày mồng chín-tháng mười một năm Đinh-dậu, Minh-Mạng thứ 18 (6 Décembre 1837) tại chợ Cái-mơn, làng Vĩnh-thành, tổng Minh-lý, huyện Tân-minh, phủ Hoảng-an, tỉnh Vinh-long (nay thuộc tỉnh Bến-tre).

Xin trân trọng cảm tạ ông Nicolas Trương-vinh-Tổng đã vui lòng cho mượn nhiều tài liệu để viết tiểu sử này. K. V.

Trương đi học ở trường Pinha-lu trên Cao-miên, Trường này do đức Giám-mục Miche gây dựng gần thành Nam-vang. Học trò của trường Pinha-lu gồm hầu hết các giống dân miền Đông-Á: người Tầu, Mèn, Lèo, Xiêm, Miến, Nhứt.

Từ đây con đường học tập của Trương-vinh-Ky mới bắt đầu mở rộng. Nhờ thầy giỏi, nhờ bạn hiền. Trương học được nhiều thứ tiếng ngoại quốc. Nhưng không bao lâu, phạm-vi giáo-khoa của trường Pinha-lu, đối với Trương đã trở nên hẹp hòi. Cái đầu óc đó đòi hỏi một học-thức cao xa hơn nữa.

Nhận thấy chỗ đó, cố Long, ông thầy cũ của Trương ở Cái-phum bèn tiến dẫn Trương cùng vài bạn khác theo cõ qua trường thầy dòng của hội truyền giáo Viên-dông, trên đảo Pinang, thuộc eo-biển Má-lai.

Ra đi năm Nhâm-ti (1852), trải bao nỗi khó khăn nguy hiểm mới tới nơi, Trương chuyên học chữ Hy-lạp và La-tinh. Sức học của Trương trội hơn các bạn nên giải thưởng luận-văn la-tinh của quan Thống-đốc Anh-cát-lợi đảo Pinang treo về tay Trương một cách vẻ-vang. Nhưng về chữ Pháp thì Trương chưa biết chi cả.

Một hôm đi dạo vườn, Trương lượm được một mảnh giấy đọc không ra. Túc trí Trương cố tra tìm cho đến khi đọc được. Thì ra đó là một bức thơ bằng chữ Pháp của một ông thầy đánh rơi. Trương bèn mang vào trả lại thầy, kèm cả bản dịch ra chữ la-tinh. Hết sức ngạc-nhiên trước cái sức thông-minh của người học trò trẻ tuổi, ông-thầy ấy liền vui vẻ giúp Trương học chữ Pháp, mua cho sách vở và dạy cả chữ Anh, chữ Nhứt, chữ Ấn-độ. Học chữ nhờ thầy, học nói thì sẵn các bạn là người từ phương.

Sự học của Trương phát triển một cách mau lẹ và chưa biết sẽ đưa Trương đến bước nào nếu không có tin dữ mẹ từ trần gửi sang Pinang (1857).

Thân phụ là Trương-chánh-Thi đang giữ một chức võ quan tại tỉnh. Thân mẫu là Nguyễn-thị-Châu, một người vợ hiền đức, một người mẹ nhơn từ, hết lòng chăm lo nuôi dạy các con.

Trương là con út, có một người chị mất sớm và một người anh Trương-chánh-Sử, sau cũng niên-dạt.

Lên năm tuổi Trương theo dõi nghiên-bút, thọ giáo cùng ông Đồ Học tại làng. Cũng trong thời-kỳ ấy có vị linh-mục, mà người trong vùng gọi là Cụ Tám, thường tới lui nhà họ Trương vì gia-quyển đó theo đạo Gia-tô từ xưa, dạy luôn cho Vinh-Ky chữ quốc-ngữ.

Cuộc đời biut-đi ấy sẽ kéo dài cho đến ngày Trương khôn lớn, lập gia-thế sanh con đẻ cháu như trăm ngàn người khác, n. u không có những sự thay đổi lớn trong nhà.

Năm Ất-tị (1845) thân-phụ của Trương, nhơn theo Tổng-đốc An-hà Nguyễn-tri-Phuong và Tuần-phủ Đoàn-Uẩn đánh giặc Xiêm và Cao-mên ở Nam-vang, mất tại đó.

Tám tuổi đã chịu mồ-côi cha và gia-thế lần lần sa sút vì còn có một mẹ già, dầu cho bà tần-tảo sớm khuya cũng chỉ đủ nuôi sống gia-đình, chớ không thể lo cho con ăn học nổi, nên qua năm sau (1846) Trương xin mẹ nhận lời của Cố Long, một linh mục người Pháp, cho Trương vào nhà thầy ở Cái-nhum, cách Cái-mơn không bao xa.

Năm Mậu-thân (1848), Trương lên 11 tuổi, cái tuổi mà trí thông-minh của Trương nảy nở khác thường khiến tất cả thầy và bạn của Trương đều ngạc-nhiên để ý. Bởi thế linh-mục Hoà mới không ngần ngại hướng dẫn

Động lòng hiếu tử và biết đâu không vì chút tình cố-hương. Trương xin trở về Nam-kỳ.

Mùa thu năm Mậu-ngọ (1858) Trương tới Cần-vọt, qua Rạch-giá rồi về Vĩnh-long.

Ở-Cái-mơn ít lâu, Trương đi Cái-nhum giúp cố Hoa dạy học.

Phong-trào bãi đạo bắt đi từ lâu, thỉnh linh nổi bùng dậy và xoay trở hẳn cuộc đời của Trương.

Không thể an thân được ở Vĩnh-long, Trương trốn lên Sài-gòn ngụ tại nhà đức Giám-mục Lefebvre.

Kể vận nước đảo điên, thành Sài-gòn vào tay thủy-sư đô đốc Rigault de Genouilly ngày 17 tháng février năm 1859.

Việc xong Rigault de Genouilly trở ra Đà-nẵng (Tourane) thu xếp rút binh, giao cho Hải-quản trung-tá Jauréguiberry giữ Sài-gòn.

Trong khi xếp đặt công việc cai-trị Sài-gòn, trung-tá Jauréguiberry rất lo ngại về sự thiếu người thông-ngôn. Một mình cố Croc không đủ dùng, trung-tá nhờ giám-mục Lefebvre tìm thêm một người nữa. Đức giám mục liền tiến-cử Petrus Jean-Baptiste Trương-vinh-Kỳ.

Thế là Trương đành cởi áo thầy tu ra chung sống với đời.

Năm Tân-dậu ngày mùng một tháng năm (8 Juin 1861), nhờ cố Doan giới-thiệu, Trương-vinh-Kỳ cưới Vương-thị-Thọ, con của Vương-tấn-Ngươn, hương chủ làng Nhơn-giang (Chợ-quán), làm vợ.

Cố gia-đình phải lo bề-no đói, nên chức thông-ngôn Trương vẫn giữ và hết lòng với phận-sự. Hoạn lộ rộng mở, Trương vững bước đến ngày cùng.

Năm sau (Nhân-tuất 1862) Trương được lệnh cùng quan tư-lệnh Simon đáp tàu «Forbin» ra Huế giao-hòa. Qua ngày mùng chín tháng năm năm đó (5 Juin 1862) hòa-ước giữa hai nước Pháp Nam đã ký xong và ba tỉnh phía đông Nam-kỳ (Biên-hòa, Gia-định, Định-lương) thuộc Pháp.

Có tài như Trương lẽ tự-nhiên là làm việc vừa lòng chánh-phủ, nên năm Quý-hợi (1863) Trương được cử vào đoàn đại-biểu Pháp cùng với Nguyễn-văn-Sạn lãnh chức thông-

ngôn, Tôn-thọ-Trường và Phan-quang-Hiệu lãnh chức ký-lục, do hải-quản đại-uy Rieu-nier cầm đầu, sang Pháp với sứ-bộ Phan-thanh-Giản.

Đi để mở rộng kiến-văn nên thừa dịp được sang Pháp, Trương đi viếng các thành-phố lớn như Rouen, Havre, Lorient, Tours, Lyon, Bordeaux và sang Bồ-đào-nha, I-pha-nho, Ý-đại-lợi viếng Alicante, Barcelone, Madrid, Gê-ne, Florence, Rome.

Ở Rome Trương được vào yết-kiến đức Giáo-hoàng và trong khi ở Paris được nhận làm thông-tin hội-viện cho Nhân-chúng viện, kết bạn văn-chương với Victor Hugo, Littré, Renan, Paul Bert.

Đi Tây về (1864) Trương lãnh dạy quốc-văn ở trường học của thành phố Sài-gòn, và cũng từ đây sự-nghiệp trứ-tác của Trương bắt đầu gầy dựng.

Quyển sách đầu tiên của Trương xuất-bản năm 1866 là quyển « *Chuyện đời xưa lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích* ». Kế đó là hai quyển sách giáo-khoa « *Abrégé de grammaire annamite* » (1867) và « *Cours pratique de langue annamite* » (1868).

Trước khi được biết Trương với những tác-phẩm kể trên, người đồng thời trong nước và cả ở ngoài quốc đã để ý đến Trương với những thiên khảo-cứu viết bằng pháp văn đăng trong tạp ký-yếu của Hội Địa-dư (Société de géographie — 1863) và tạp-chi Đông-phương Mỹ-quốc (Revue Orientale et américaine — 1865).

Song ngày 2 Novembre năm 1868, Trương xin từ chức giáo-sư, vì một lẽ riêng và sống biệt lập cùng văn-chương sách vở.

Đến năm 1869, Chánh-phủ mời Trương ra giao tờ « Gia-định báo » mà từ năm 1865 do ông Ernest Patteaux, thông-ngôn của Chánh-phủ, trông nóm. Làm việc này Trương được số lương 3.000 quan một năm (Décision du 16-9-1869 — B. O. C. 1869 — p. 317).

(Thế là Trương trở lại với đời công-chức. Năm sau (1870) Chánh-phủ phái Trương làm thông ngôn cho sứ thần Y-pha-nho Patocot trong dịp đi Huế và sang Tàu.

Lúc trở về, cùng một ngày 26 décembre năm 1871, Trương được cử làm giáo-sư trường Sư-phạm thuộc-địa và Huyện hạng nhất. Năm sau

ại lãnh thêm chức giáo-sư trường Hậu-bổ kiêm cả chức thơ-ký Ủy-ban quân-trị châu-thành Chợ-lớn.

Ta có thể nói hoạn lộ của Trương tươi đẹp và đầy hứa hẹn về sau.

Chẳng thế mà tháng mars năm 1874, Chánh-phủ lại phái Trương theo giúp đại-sứ I-pha-nho ở Tàu và khi về giữ chức giáo-sư chữ quốc-ngữ và chữ Hán ở trường Hậu-bổ và trường Bôn-quốc.

Kể năm 1876 lại đi công cán ở Bắc-kỳ và năm 1877 được cử vào Hội-đồng thành-phố Sài-gòn.

Vừa dạy học, vừa-viết sách đã là một việc ít người làm được trong lúc bấy giờ, Trương lại còn giao-thiệp với các hội học ở Âu-tây, chẳng hạn như Á-châu hội (Société Asiatique) mà trong năm 1876, Trương được hai ông Renan và Garroz giới-thiệu làm hội-viên.

Điều nên để ý là cuộc đời của Trương từ trước chỉ quanh quẩn các trường với chức giáo-sư và với chồng sách báo. Thỉnh thoảng được phái đi xa trong ít lâu. Việc chánh-trị đối với Trương cơ-hở như xa lạ. Từ năm 1860 ra giúp Chánh-phủ Pháp đến năm 1886, trọn 26 năm trường, Trương cặm-cui lo viết sách, phải nhiều là để cho người Pháp học mau biết tiếng và hiểu phong-tục của dân Việt-Nam, hoặc trái lại, để cho người Việt-Nam chóng mở mang theo cuộc đời mới. Phải chăng đó là một quan-niệm về chánh-trị của Trương, cái quan-niệm lấy sự hiểu biết lẫn nhau làm gốc. Có hiểu biết lẫn nhau mới có thể thương yêu nhau và cùng đi về nhau đi tới sự hiệp-tác thành-thật, thân-mật. Âm-thầm và lặng-lẽ, Trương đem hết trí óc ra phụng-sự quốc-gia. Biết hay không biết ấy là quyền của người đời.

Trương biệt lập đứng về một địa-hạt mà tiếng đại bác từ Nam chí Bắc không vang dội tới được.

Tuy nhiên tạo hóa đã đặt đề; cùng ngày tháng trôi qua mọi vật đều thay đổi. Không ai cưỡng lại được sức mạnh của thời-gian là cái bánh xe đưa người và vật đến một định-mạng không thể tránh.

Đời của Trương-vinh-Kỳ cũng thế. Dầu muốn dầu không Trương cũng phải đóng một vai tưởng cũ đóng trên sân-khấu chánh-trị Việt-Nam.

Năm 1886, Paul Bert mà Trương được quen biết khi sang Pháp với sứ-bộ Phan-thanh-Giản (1863) và về sau vẫn thơ từ qua lại, sang Việt-Nam với chức Khâm-sứ Trung và Bắc-kỳ.

Tháng hai Paul Bert tới Saigon liền xin Chánh-phủ Nam-kỳ tạm bổ Trương-vinh-Kỳ giúp việc với người.

Ngày 12 avril năm 1886, Trương ra Huế vào chầu vua Đồng-Khánh và được bổ Cơ-mật-viện tham-tá, sung Hàn-lâm viện Thị-giảng học-sĩ. Đó là về phía Nam-triều. Về bên Chánh-phủ Pháp, Trương là một người trung gian để giúp cho mau thiết-hiện cái chánh-sách hiệp-tác Pháp-Nam của Paul Bert, bằng cách chỉ đường dẫn lối cho Nam-triều.

Đây là một dịp may để Trương giúp nước nên Trương hết lòng với chức-vụ. Nào cùng vua Đồng-Khánh đi vắng dân, nào bàn cãi về hiệp-ước với Paul Bert, Trương luôn luôn tỏ ra một người ngay thật, cố điều-hoà quyền-lợi của đôi bên để chóng đi đến cảnh thái-bình thanh-trị mà công-lý và nhơn-đạo là nền-tảng.

Trong sáu tháng làm nhà chánh-trị, Trương đặt dấu chân cùng khắp Trung và Bắc-kỳ, chẳng quản nhọc nhằn, không màng thiệt thòi về quyền lợi.

Nhưng ước-vọng chưa kịp thành thì thỉnh linh Paul Bert tạ thế (11 Novembre 1886).

Gốc đá ngã thì ngọn còn sao đứng, Trương liền ở luôn lại Saigon, sau khi về đường binh (14 Octobre).

Khi lãnh mệnh Trương nhậm lại chức cũ ở Nam-kỳ là giáo-sư dạy thổ-ngữ Đông-phương ở trường Hậu-bổ và trường Thông-ngôn (Collège des Administrateurs stagiaires et Collège des Interprètes).

Qua năm 1888, ngày 18 Mars, Trương đi công-cán bên Vọng-các (Bang-kok). Khi về Trương nêu lên vấn-đề quyền-lợi của nước Việt-Nam trên tá-ngạn sông Cừu-long. (Thờ đề ngày 12 Mai 1888 gửi cho quan Thống-đốc Nam-kỳ).

Từ đó cho đến ngày 1^{er} Septembre năm 1898, ngày người từ trần, hưởng thọ được 62 tuổi, Trương lo dạy học và viết sách để tiếp-tục thiết-hành oái quan-niệm Pháp-Nam trong-ai trong sự hiểu biết lẫn nhau.

Trọn đời Trương phụng-sự Chánh-phủ Ph.p mà không quên đất nước Việt-Nam. Sự nghiệp trứ-tác của Trương vừa có ích cho cả đôi bên và đến ngày nay vẫn còn giá-trị.

Những chuyện đi của cụ

TRU'ONG-VINH-KY

của Trương-sơn-Chí

RONG lịch-sử cận kim của ta có hai người nhà cảnh ngộ và được những giáo-sĩ diu dắt mà trở thành vĩ-nhân: Nguyễn-trường-Tộ và Trương-vinh-Ký.

Tuy tên tuổi hai ngài được ghi ở lòng ta bởi hai phương diện khác nhau — một bên về chánh-trị, một bên về văn-học — nhưng cái nguyên-nhơn làm cho hai ngài trở thành vĩ-nhân vẫn là một: hai ngài được mian nấn đi giáo-đu ngoại-quốc, nhất là ở Pháp, và nhờ đó mà sớm thấu-thiết được kiến-vấn tân-kỳ nơi đất nước người. Đành rằng Nguyễn-Trường-Tộ tiên-sanh có một học thuật thuần Hạp, nhưng giá liên-sanh không được nhìn thấy cái văn-minh rạng-rỡ của nước Pháp, vì tất đã làm được tập diên-truyền thông-thiết khiến cho tên tuổi của tiên-sanh cùng thọ với non sông!

Cái công lớn của Trương đóng góp vào lâu đài văn-học Việt-Nam bằng một số sách vừa xuất bản, vừa trứ-thuật mà từ xưa tới nay chưa có ai theo kịp, cái công lớn đó ta không quên.

Đứng về phương-diện quốc-gia thì tên tuổi Trương-vinh-Ký bay khắp Đông Tây đã làm rạng vẻ cho non sông Nam-Việt.

Xét về tư-tưởng và tâm-chí của Trương, thử hỏi ai dám cho rằng hiểu rõ. Trương mất chưa đầy năm chục năm thì đời công và tư của Trương chưa thuộc vào phạm-vi lịch-sử, đã vậy còn biết bao nhiêu tài-liệu về Trương đang nằm trong bóng tối. Vậy ta nên thận-trọng trong việc xét đoán là hơn.

Hôm nay chúng tôi truy-niệm cụ Trương-vinh-Ký là để nhắc nhở cụ đối với nền văn-học nước nhà, để soi gương làm việc của cụ, để nhớ tới một bậc thông-thái của đất nước, hầu tìm chút hăng-hái cho tinh-thần, chút vững lòng ở ngày mai.

KHUÔNG-VIỆT

Cụ Trương-vinh-Ký cũng thế. Vì cụ không được đi học ở Pinha-lu (Cao-miên), Poulou-Pinang, (Mã-lai) chắc gì ngày nay cụ được sùng-bái là một nhà thông-thái và chắc gì cụ được lưu lại một sự nghiệp văn-học Pháp-Việt.

Cụ Trương-vinh-Ký là một kỳ-tại, kỳ-tài tạo nên bởi cảnh-ngộ. Cụ là một bằng chứng hùng-biện của thuyết thời thế tạo anh-tài vậy. Nếu cụ không mồ-côi cha thuở lên 8 tuổi, không là một kẻ công-giáo bị quấy-nhiều thi biết đâu, suốt đời, cụ không chỉ là một tên dân tầm-thường ở xứ đất Cái-mơn (Vinhlong) ?

Chính nhờ có cổ Long diu-dắt lên Pinha-lu ở Cao-miên là chốn hội-hợp của học-sanh công-giáo các nước trên bán-đảo Đông-Pháp như Cao-miên, Tiêm-là, Miến-điện, Lào và cả đến Trung-hoa nữa, mà cụ được tiếp-xúc với nhiều ngôn-ngữ và trong trí óc trẻ thơ của cụ mới nảy sanh cái hoài-bảo chuyên về ngôn-ngữ học. Với 11 cái xuân là cái tuổi đáng lý ch biết nó đùa, mà cậu bé Trương-vinh-Ký lại thờ phụng hoài-bảo to-tác như thế, chẳng la-lùng lắm sao!

Song những thiên-tài đều kỳ-quặc. Trong những giờ chơi, lúc rảnh việc, cụ tìm cách tự học văn-phạm các ngôn ngữ đó trong những quyển sách tự cụ tìm thấy. Cụ lãnh-hội một cách dễ-dàng, mau chóng. Học, theo cụ thuở bấy giờ, là đồng nghĩa với nó đùa!

Lần lần, kể bề trên nhận ra Pinha-lu không là nơi xứng đáng cho thiên-tài Trương-vinh-Ký rặng nở. Thế là đến 15 tuổi, cụ và vài bạn được theo một giáo-sĩ sang Poulou-Pinang, nơi đó có chánh-giáo-đường (séminaire général) của Hội truyền-giáo Viễn-đông. Cuộc du học xa-xuôi lần đầu tiên ấy có ảnh hưởng rất to đến đời vị lai của Trương-vinh-Ký. Có thể nói, nhờ sống 6 năm ở Poulou-Pinang (từ 15 đến 21 tuổi) mà cụ được lưu danh trong văn-học giới vậy.

(Coi tiếp qua trang 15)

SITAI TRUONG-VINH KY

Bốn mươi lăm năm đã qua, kể từ ngày cụ Sĩ-Tải Trương-vinh-Ký từ trần (1898-1943). Người đời đã nhiều phen nhắc nhở, tỏ lòng tưởng nhớ công ơn của cụ.

Ngày 18 Décembre năm 1927, cử-hành lễ dựng hình cụ tại đại-lộ Norodom, do một nhóm thân-hào Việt-Nam quyền giúp.

Ngày 6 Décembre năm 1937, mở đầu cuộc lễ Kỷ-niệm bách-châu-niên ngày sanh của cụ (1837-1937). Trong dịp lễ này, tấm bia ghi chỗ chôn nhau cắt rốn của cụ tại Cái-mơn (Bétre), tấm bản đánh dấu khoảng đất trên

đó, từ năm 1864, cụ dựng nhà và sống đến ngày cùng mà nay thuộc về bà Phũ Phẩ (số 95, đại-lộ Gallieni, Chợ-quán), pho tượng bán thân của cụ ở trường Trung-học Pétrus-Ký và ngôi mộ cùng nhà thờ vừa tu-bổ lại đã được khánh-thành một cách long-trọng.

Càng thêm phần long-trọng là hai vị thượng-quan Blanchard de la Brosse (1927) và Pagès (1937) đã thân-hành chủ-tọa hai cuộc lễ trên.

Ngoài ra, hai chữ Pétrus Ký lại còn được nêu cao trên bảng tên đường và trường học.

Và gần đây, ngày 22 Août 1943, trường huấn-luyện thanh-niên tỉnh Bétre đã đặt tên Nguyệt-khoá thứ ba là Trương-vinh-Ký.

Tài đức của cụ Trương-vinh-Ký còn được những nhà cầm bút nêu cao trên sách báo. Kể ra thì người ta nói đến cụ cũng đã nhiều. Từ người Pháp đến người Nam, từ y văn đến y văn xuôi, tiểu-sử và công-nghiệp của cụ đã truyền bá cùng khắp các lớp người trong xã-hội Việt-Nam và cả một vài đô-thị lớn trong hoàn-cầu.

Những nhà thông-thái của các hội-học, những người Việt-Nam biết đọc chữ quốc-ngữ, không còn ai lạ với tên Pétrus Ký.

Tuy nhiên nói hoài cũng chưa hết, biết nhiều cũng chưa đủ. Làm sao nói cho hết thân-thể và sự nghiệp trứ-tác của Trương-vinh-Ký, cũng ảnh-hưởng của cụ và của sự-nghiệp cụ đối với người và văn-hóa Việt-Nam. Làm sao biết rõ tư-tưởng và tâm-chí của Trương-vinh-Ký trong khi còn nhiều tài-liệu chưa được đưa ra ánh sáng. Và lại cụ Trương-vinh-Ký vừa là một nhà bác-học và một nhà chánh-trị, mặc dầu là nhà chánh-trị bất đắc dĩ.

Tóm lại cụ Trương-vinh-Ký là một nhân-vật lịch-sử mà các lớp người sau không quên lãng quên được.

Hôm nay chúng tôi nhắc đến cụ là để kỷ-niệm ngày cụ qua đời là ngày 1^{er} septembre 1898.

Kỷ-niệm đặng vọng-tưởng người xưa, chuyện xưa, và mạnh dạn quả-quyết nhìn thẳng con đường tương lai văn-học.

N. K. T. B.

Sửa chỗ in sai

Trong N.K.T.B. số 49, về bài « tiểu-sử cụ Lê-văn-Duyệt », ấn-công sắp chữ lộn mấy đoạn, xin sửa lại như vậy:

Trương 14. — Đọc đoạn: « Năm Gia-Long thứ 15 (1816) vua triệu cụ Lê về Kinh và sai Nguyễn-huyền-Đức vào thay làm Tổng-trấn thành Gia-Định ». rồi thì tiếp đọc đoạn dưới chốt: « Năm Gia-Long thứ 18 (1819) đọc hết đoạn ấy thì « sấm đờ từ-khi trong miếu nhà Lê ở Thanh-hóa », rồi trở lại đọc 2 đoạn trước: « Năm ấy, đầu tháng chạp, vua chẳng an thành thế. ».

Trương 15. — Năm Minh-Mạng thứ 13 là 1832 chứ không phải 1882.

N.K.T.B. số 48 ngày 19 Août 1943 có đăng bài « Cải lương cách nuôi heo » trong tỉnh Bétre.

Bài ấy nói giao heo nọc cho dân nuôi. Đó là một sự lầm lộn, giao heo nái, chứ không phải heo nọc.

Muốn cho đúng với sự thật, xin đính chánh như vậy:

« Sự giao heo cho dân nuôi đây chỉ buộc như vậy: người lãnh nuôi heo nái phải nuôi cho kỷ lưỡng đến khi heo đẻ.

Hai lứa đầu trả cho sở Thú-Y mỗi lần 2 con heo con để giao cho người khác nuôi nôi, rồi thì mình được làm chủ luôn cả bầy heo con còn lại và heo mẹ của Nhà-nước giao cho nuôi trước đó. »



NGHE ĐÓN, NGHE HÁT

Uỷ-ban Mỹ-thuật của N. K. T. Đ. T. D. H. đã tổ chức buổi hòa-nhạc 22 Acôt này có lễ chúc « *Buổi Mỹ-thuật đồng niên* » tại nhà hát Nguyễn-văn-Hào.

Dành riêng cho hội-viên và những bạn quen có thiệp mời, nên thiêu-giã có phần lựa- lọc.

Từ 16 giờ đến hơn 18 giờ, chúng tôi đã được thỏa-thích về thính-quan và vui sướng về tinh-thần.

Thật là một buổi giải-trí đầy đủ. Trước hết xin nói về phần « *lượng* ». Hơn hai giờ đồng hồ, bản đờn này kế tiếp bản đờn khác, bài hát này kế tiếp bài hát khác, luôn luôn thiêu-giã được Ủy-ban Mỹ-thuật của N. K. T. Đ. T. D. H. « công hiến » (Tôi xin phép mượn lại hai chữ đó của hai ông Đuốc và Đức thường dùng trong khi giới-thiệu những bản đờn và bài hát) những điệu du-dương, thâm-trầm, vui-vẻ, những giọng thanh-thớt, nhịp-nhân, lạc- nhã. Nào âm-nhạc Việt-Nam, nào âm-nhạc Âu-Tây, nào âm-nhạc cải-cách, cả đến điệu hát bộ, cũng được phổ-diễn để hòa-hợp Đông và Tây, xưa và nay, và để đó bực trên đường lối-bộ.

Về phần « *phẩm* » thì kể tục-từ này làm gì dám làm bình? Họa chăng chỉ xin trình cùng bạn đọc một vài cảm-tưởng thô-thiền.

Giản-nhạc Việt-Nam do ông J. Tịnh chỉ huy với 2 bài ca của cô Tư Sạn và cô Năm Cảnh thật là hoàn toàn « *cải- lượng* ». Phải đề ý chỗ đó đáng thưởng-thức giọng hát Nam hát Khách đặc-biệt « *nhà-nghề* » của cô Ba Đắc, thứ vai Thoại-Ba Công - chúa trong hai màn « *Địch-Thanh Lià Thạn* » (Ngũ hổ bình tây),

Giản-nhạc Thiệu-Sanh và giản-nhạc Philharmic với hai bản đờn « *Ni non* » và « *Le beau Danube bleu* » đã được hoan-nghe hích đáng.

Nhưng « *cây đình* » của « *Buổi Mỹ-thuật* » này, là những bản đờn của bà Nguyễn-văn-Ty và các học trò của bà. Trên mặt báo này, bạn Thiệu-Son đã có lần nói đến cái tài của nhà Nữ nhạc-sĩ Việt-Nam xứng với danh-hiệu ấy là bà Nguyễn-văn-Ty. Đó là nhưn buổi hoà-nhạc cuối năm học mà bà đã tổ-chức tại biệt-thự ở Chợ-lớn. (Xem N. K. số 44, ngày 22 juillet 1943). Chúng tôi đã được hân-hạnh nghe 2 bản « *Nghệ đờn Bình bản* » và « *Lý công ngựa ó* ». Nay nghe lại hai bản đờn ấy, chúng tôi lãnh-hội thêm được cái mới lạ của những bài hát Việt-Nam phổ vào âm-nhạc Âu-Tây và thưởng thức được một lần nữa cái tài của nhà nhạc-sĩ. Về những bản « *La Campanella* », « *Marche turque* » của Liszt và Mozart v. v. cùng các bản khác của nhơn-viên trong Ủy-ban Mỹ-thuật của N. K. T. Đ. T. D. H., xin thú thật: chúng tôi nghe là nghe, chứ không đủ tư-cách thưởng-thức, đừng nói chi đến bình-phẩm.

Sẽ là một tội lớn nếu chúng tôi bỏ sự bản đờn và bài hát « *Samipic* » của N. K. T. Đ. T. D. H. mới đặt. Ta có thể nói đây là một bài hát « *khâu-hiệu* » của hội.

Một cây làm chẳng nên non,

Ba cây dùm lại nên hòn núi cao,

Thật đúng với tôn-chỉ của một hội gồm đủ tam đực như hội N. K. T. Đ. T. D.

Để kết-thúc bài kỹ-thuật này, chúng tôi xin lặp lại lời nói trên là đã được thỏa thích về thính-quan và vui sướng về tinh-thần. Vậy xin trân trọng cảm tạ Ủy-ban Mỹ-thuật của N. K. T. Đ. T. D. H.

Cảm-tạ rồi, xin phép để một lời ngợi khen và khuyến-kích.

Và, chút hết, xin ước-ao còn được thưởng-thức tài-nghệ của các nhơn-viên trong Ủy-ban, cũng đặt nhiều hi-vọng ở tương-lai của âm-nhạc Việt-Nam.

KHUÔNG-VIỆT.



Chia sẻ N. K. T. Đ.

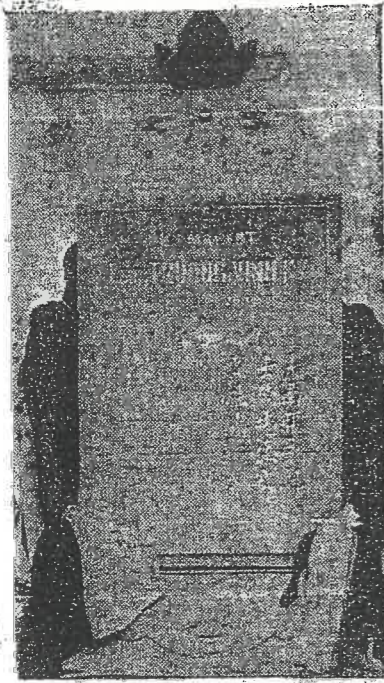
Sĩ-Tải TRƯƠNG-VĨNH-KY

mặc triều-phục

(1886)

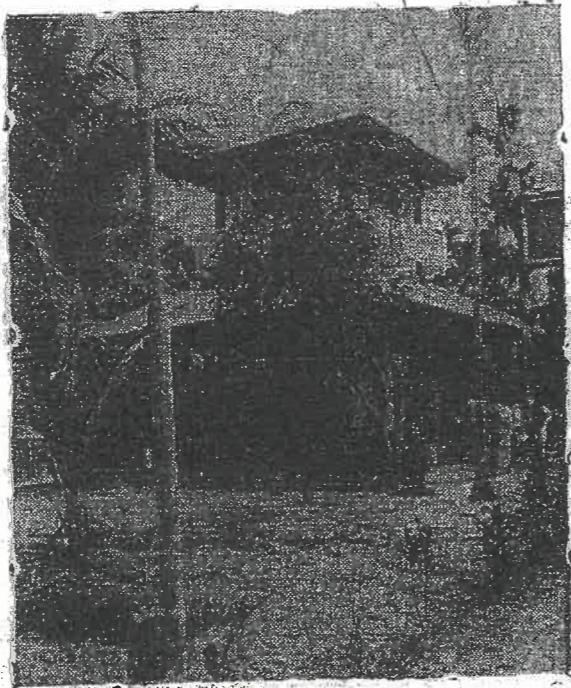
CAI-MÔN (Bêntre)

Nơi sanh-trường của Sĩ-Tái Trương-v-Kỹ



Cliché N.K.T.B.

Bia kỷ niệm



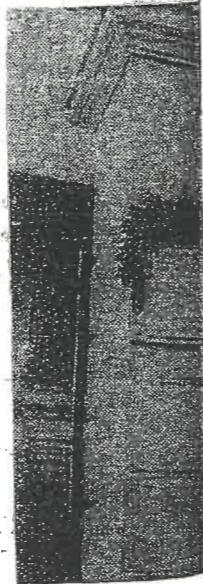
Cliché N.K.T.B.

Bia-đình...



Ngôi nhà xưa của cụ Trương-vĩnh-Kỹ. Nay là...

CHO-QU

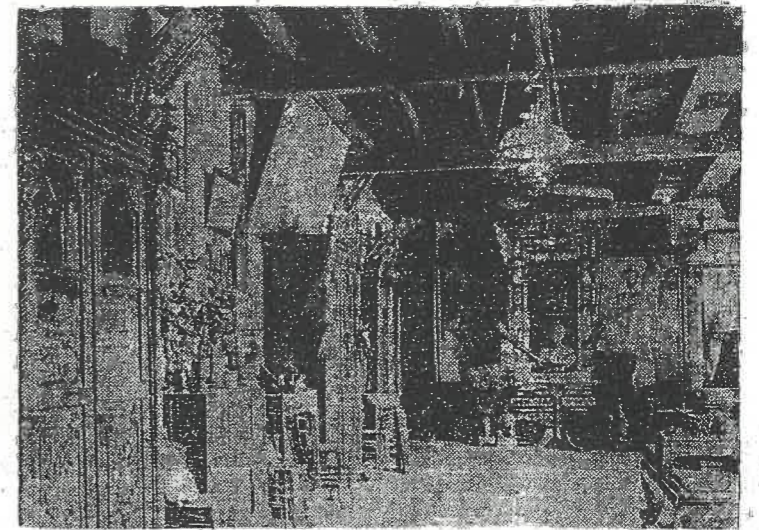


...tòa nhà Đốc-ph
95, Boulevard

SAIGON

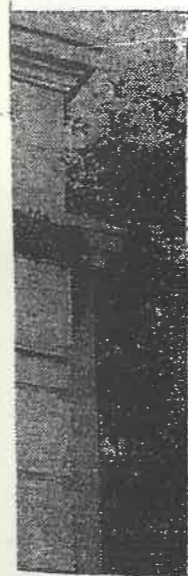


Sĩ-Tái Trương-v-Kỹ



Phòng làm việc của cụ Trương-vĩnh-Kỹ

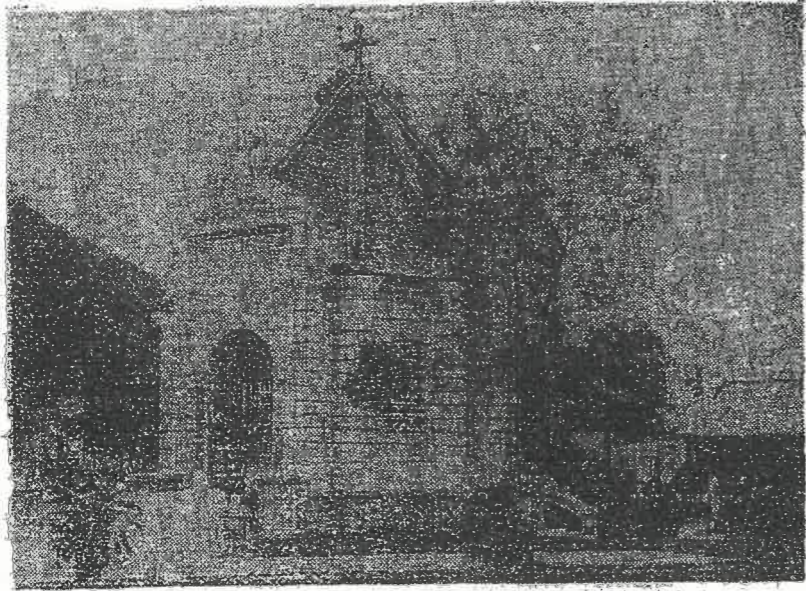
AN



...của bà
Phái
alliéni, Saigon

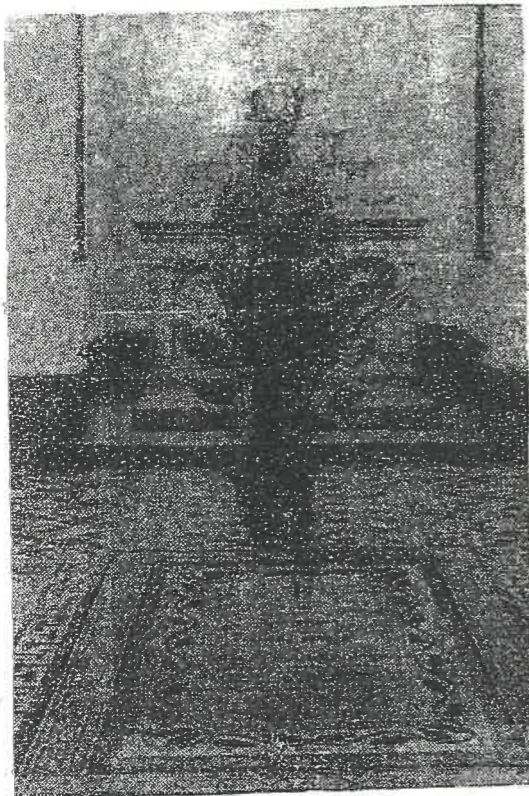


Nhà mát trên Kinh Chợ-lớn (Arroyo-Chinois)

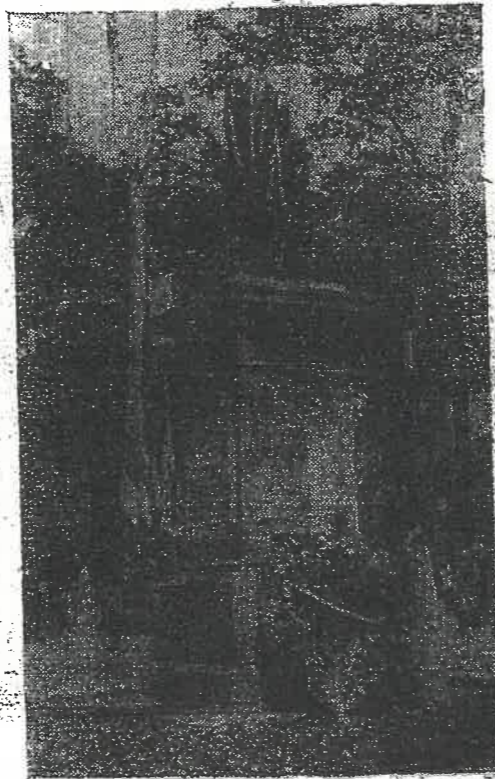


Nhà mỗ ở Chợ-quán

NGƯỜI SAU TUỞNG NHỚ



Mộ ở Chợ-quán



Tượng đồng ở B^d Norodom, Saigon

Bản kê các tác phẩm của

TRU'ONG-VINH-KY

Danh tánh Pétus Trương-vinh-Kỳ sở dĩ được đời nhắc-nhở tới mãi là do ở nhiều tác phẩm bất hủ của ngài; mà các tác phẩm ấy vốn là hình ảnh của tài năng, đức nghiệp của tác giả vậy.

Tiếc vì khuôn khổ tờ báo chật hẹp chúng tôi không được dịp phân tích, bình luận rộng ra cả sự nghiệp khoa học văn học của ngài, để biểu dương biêt tài của ngài về nhiều phương diện: giáo khoa, ngôn ngữ học, văn học, sử học, địa-dư học.

Còn chọn trong các môn học ấy, một giáo khoa, một sử học hay một văn học, thì chúng tôi không khỏi mang tội quên lãng tài quốc thông, sức hoạt động của bậc kỳ sĩ tiền bối.

Thành thử chúng tôi biên lại bản kê các tác phẩm của Pétus Kỳ do theo bản in trong sách Pétus Trương-vinh-Kỳ của Jean Bouchot, sách Dictionnaire français annamite, và bài Pétus Kỳ của ông Nguyễn-văn-Tổ trong tập kỷ-giếu-hội Tri-Tri Bắc kỳ số 1-2 năm 1937.

Đáng lý chúng tôi cũng theo trật tự niên biểu của bản kê của ông J. Bouchot mới đúng phương pháp. Nhưng chúng tôi cố ý hải rỏ các môn-học của tác giả, nên thử phân ra từng loại, mặc dầu theo lối này có vài tác phẩm sắp loại một cách quá tự tiện.

Dưới đây bản kê các tác phẩm phân ra từng loại; trong mỗi loại trật tự niên biểu vẫn giữ, sau mỗi quyển sách có biên nhà và năm xuất bản.

N. X.

I. — Dịch-thuật

— Oraison funèbre prononcée par le Général Nguyễn-Phước dans un repos anniversaire fait en l'honneur des soldats tués dans une expédition...

— Revue orientale et américaine X 1865 (Phải chăng bài văn tế tượng sĩ trần vong của ông Nguyễn-văn-Hành?)

— Trung dụng in thạch bản 1875.

— Mạnh thương tập chỉ, in thạch bản.

— Đại học, in thạch bản 1877.

— Từ thư Đại học Saigon, Rey et Curial 1880.

— Từ thư Trung đông Saigon, Rey et Curial 1889.

— Minh tâm bửu giám Saigon, Rey et Curial 1893.

II. — Du-ký

— Chuyển đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi Saigon C. Guillaud et Martinon 1881.

III. — Địa-dư

— Petit cours de géographie de la Basse Cochinchine Saigon, bản in nhà nước 1875.

— Dư đồ thuyết lược Tân-định nhà in Mission 1887.

— Địa-dư xứ Việt-Nam chia ra từ tỉnh, từ Cao-băng tới Hatiên. Bản thảo chưa in.

IV. — Giáo khoa

— Abrégé de grammaire annamite Saigon imprimerie impériale 1868.

— Cours pratique de langue annamite Saigon imprimerie impériale 1868.

— Mẹo luật dạy học tiếng Pha lang sa Saigon bản in nhà nước in lần thứ hai 1869.

Paris, Challamel aîné, 1872

— Cours de langue mandariné ou de caractères Chinois Saigon, — in thạch bản — 1875.

— Cours de langue annamite in thạch bản 1875.

— Manuel des Ecoles primaires. Quyển thứ nhất: văn quốc-ngữ, Việt-sử, Trung quốc sử Saigon, bản in nhà nước 1876.

— Sự học văn tân 1877, 1884.

— Sách tập nói chuyện tiếng Annam và tiếng Langsa Saigon C. Guillaud et Martinon 1882, 1885.

— Thầy trò về luật mẹo lều lắt tiếng Phangsa Saigon 1883.

— Grammaire de la langue annamite tiếng Phangsa Saigon 1883.

— Huấn mông khúc ca-Sách dạy trẻ nhỏ học chữ như Saigon C. Guillaud et Martinon 1884.

— Tam tự kinh quốc-ngữ diễn ca Saigon C. Guillaud et Martinon 1884.

— Cours d'Annamite aux élèves européens. Giải nghĩa Lục-văn-Tiên 1886.

— Alphabét quốc ngữ in lần thứ tư Saigon nhà in Rey et Curial 1887, in lần thứ năm Imprimerie nouvelle 1895.

— Vocabulaire annamite français, mots noms, mots techniques et termes administratifs Saigon nhà in Rey et Curial 1887.

— Tam thiên tự giải Âm-Tu học tọa yển Saigon Rey et Curial 1887.
 — Thông loại khố trình (Miscellanées) số 1 Saigon Rey et Curial 1888 và nhiều số nữa.

V. — *Lịch sử*

— Notice sur le royaume de Kbmér ou de Kambodje Bulletin de la Société de Géographie 1863 Juillet Décembre.
 — Cours d'histoire annamite 2 quyển: quyển thượng bản in nhà nước 1875, quyển hạ in năm 1877.
 — Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs Diên thuyết. In trong tạp chí Excursions et reconraissances số 23 tháng Mai-Juin 1885, in nhà in Coloniale 1885.
 — Ước lược truyện lịch nước Annam Saigon bản in Rey et Curial 1887.
 — Biên tích đức thầy Vêro Pinbo quận công Saigon imprimerie nouvelle 1897.

VI. — *Phong tục*

— Chuyện đời xưa Sa gon bản in nhà nước 1866-1873, 1883, 1888, 1909.
 — Chuyện khôi hài Saigon C. Guillard et Martinon 1882.
 — Phép lịch sự Annam Saigon C. Guillard et Martinon 1883.
 — Mặc bịnh cúm từ — Tân đình nhà in Mission 1885.

VII. — *Từ điển*

— Petit dictionnaire Français Annamite Tân-dinh nhà in Mission 1884.
 — Petit dictionnaire Français Annamite nouvelle édition illustrée de 1250 gravures extrait du Petit Larousse illustré Saigon F.H. Schneider 1911.

VIII. — *Văn học*

(Sách chữ nôm diễn ra quốc ngữ)

— Kim Văn Kiêu — Có phụ thêm Kim Văn Kiêu phú, Phú Kiều thi tập và Kim Văn Kiêu tập án của ông Nguyễn-văn-Thắng, Tham hiệp Thanh-hóa in năm 1875.
 — Đại nam sử ký diễn ca Nhà in Mission Tân-dinh năm 1879.
 — Trương Lương tùng Xích tông từ du phủ Saigon. Guillard et Martinon 1881.
 — Nữ huấn ca của Đặng-huỳnh-Trung (Đặng huy Trứ), Saigon C. Martinon 1882.
 — Thơ dạy làm dâu Saigon C. Guillard et Martinon 1882.
 — Gia-dinh phong cảnh vịnh — Gia-dinh thất thủ vịnh Saigon C. Guillard et Martinon 1882.
 — Kim Gia-dinh phong cảnh vịnh Saigon C. Guillard et Martinon 1882.
 — Trương Lương hầu phủ Saigon C. Guillard et Martinon 1882.
 — Thơ dạy con Saigon C. Guillard et Martinon 1882.

— Nữ tác Saigon C. Guillard et Martinon 1882.
 — Gia huấn ca của Trần-hi-Tăng Saigon C. Guillard et Martinon 1883.
 — Học trò khó phủ của Nguyễn-thế-Lan Saigon 1883.
 — Tiạnh suy bĩ thái phủ Saigon 1883.
 — Bài hịch con quạ Saigon 1883.
 — Ngự tiêu Trường điệu Tân-dinh nhà in Mission 1885.
 — Lục súc Tân-dinh nhà in Mission 1887.
 — Lục súc tranh công Tân-dinh nhà in Mission 1887.
 — Lục-Vân-Tiên truyện Saigon A. Bock 1889.
 — Phan-Trần truyện Saigon Aug. Bock 1889.
 — Lục-Vân-Tiên truyện in lần thứ tư, coi lại, sửa và thêm chú giải Saigon Claude et Cie. 1897.
 — Kim-Vân-Kiều Revu, corrigé et augmenté 2e édition Saigon (Claude et Cie. 1898).
 — ? Bất cương. Chờ cương làm chi. Saigon C. Guillard et Martinon 1882 — 1885.
 — ? Kiếp phong trần in lần thứ ba 1882.
 — ? Cờ bạc nha phiến Tân-dinh nhà in Mission 1885.

Ba bản sau này chúng tôi đánh dấu hỏi, chưa rõ chắc là bản nôm diễn ra quốc ngữ hay từ cụ Trương-vĩnh-Ký soạn ra.

Bản kê các tác-phẩm của Trương-vĩnh-Ký đến đây đã quá dài, mặc dầu chúng tôi không ngại chỗ khó khăn, cố ý tóm tắt vô cùng.

Thế là chúng tôi không kê tới các sách viết bằng tiếng la-tinh, tiếng Y-pha-nho, các bài nghiên-cứu về tre về kiến... các bài trong Giadinh b'o. Bấy nhiêu đủ tỏ sự nghiệp khoa-học văn-học của tác-giả phong-phú là dường nào.

Đại để sự nghiệp vĩ-dại ấy là hình ảnh rõ rệt một tinh thần cao thượng, tinh thần phụng sự khoa-học, phụng sự quốc-gia: Vì tha thiết tới tiền-đồ tổ-quốc cụ trúc cả ruột tâm để gây dựng một tâm hồn mới Việt-Nam: Một khối óc tạo ra nhờ chất văn-minh khoa-học Pháp nhờ nắn với chất văn-minh cổ-hữu Hoa-Việt.

Thầy lời kết chúng tôi xin lược lại lời ông Ứng-Hòa Nguyễn-văn-Tổ viết cuối bài nghiên-cứu, rất công phu về Pétris Kỳ: «Sự nghiệp ấy, thân thể ấy có thể tóm lại làm ba tiếng: «Bác-học, tâm-thuật, khệm-tồn.» N. X.

Tôi đã hiến thân cho nước Pháp, nghĩa là cho hết thầy các người.
Thượng-tướng PÉTAIN.

Những chuyện đi của cụ TRƯƠNG-VĨNH-KY

(Tiếp theo trang 6)

Thoạt đầu, cụ vẫn học chữ hi-lạp và la-tinh và cụ học vẽ-vang đến đời một bài luận la-tinh của cụ được giải thưởng của quan Thống đốc Anh đương thời.

Ta nên nhớ, từ thuở 9 tuổi theo học cha Long ở Cái-nhum cho đến 15 tuổi sang Pinang, cụ Trương chỉ được biết các từ-ngữ (langues mortes). Các giáo-sĩ chỉ muốn đào luyện cho cụ thành một giáo-sĩ như các ngài mà thôi. Và nếu không có một sự tình cờ đưa đến cho cụ thì vị tất ngày nay ta được hân-hạnh đọc những sách quý báu của cụ bằng Pháp văn!

Hôm ấy, như thường lệ, cụ Trương-vĩnh-Ký và các bạn đi dạo trong vườn và trên các hành-lang ở trường. Tình-linh cụ chợt được trong đám cỏ non một mảnh giấy viết một lối chữ tương tự như chữ la-tinh. Vốn tánh hiếu kỳ và thông minh, cụ bèn tìm cách đọc những giòng chữ ấy, và sau một lúc cố gắng, cụ vui mừng nhận ra đó là một bức thơ gửi đến cho một thầy của cụ! Cụ dịch nó lại trên giấy và đem trình thầy. Từ đó, cụ Trương-vĩnh-Ký càng được thầy yêu bạn quý và được thầy tìm sách chữ Pháp cho cụ học, với một cuốn văn phạm pháp.

Chẳng những cụ chỉ say mê học những thứ chữ đã biết, cụ lại còn tìm học chữ Anh, Nhật và Ấn-độ trong các nhật-báo cũ, vì cụ không có được một quyển sách nào, một cuốn văn-phạm nào khác. Thế mà cụ vẫn thâm hiểu các ngôn-ngữ ấy!

Hạn học 6 năm, đã mãn, cụ từ giả Pinang trở về Nam kỳ, sau 10 năm xa cách (kể cả 4 năm học ở Pinha-lu). Cụ đi, lưu lại bao nhiêu luyện-tiếp cảm-tình của thầy và bạn, cảm tình gây ra bởi lòng hiếu-học, cương-trực và một mực ngay thặt của cụ.

Cụ trở lại quê nhà với một học-lực đầy đủ sâu xa và bao nhiêu điều hiểu biết về khoa ngôn-ngữ-học mà cụ sẽ đeo-dõi trong một tương-lai gần đó.

Đến năm 1863, cụ được cử làm thông-ngôn, đi theo sứ-bộ Phan-thanh-Giản sang Pháp.

Lại thêm một cơ-hội quý báu cho cụ Trương-vĩnh-Ký mở rộng kiến-vấn.

Trong mấy tháng ở đất Pháp, cụ vừa đi viếng các tinh thành lớn vừa giao-thiệp kết thân với các danh-nhân Pháp, bấy giờ như: Ernest Renan, Duruy, Victor Hugo, Littré, Paul Bert mà cụ thấu-thập được biết bao mối lợi tinh-thần. Cụ được ông Renan hết lòng giúp đỡ về mặt khoa-học, được ông Littré chỉ dẫn về đường biên-dịch, và về sau, trong khoản đời cùng của cụ, cụ dịch lại những tự-vị của nhà thông-thái ấy cho chúng ta dùng ngày nay, và nhất là cụ được ông nghị-lâm Pháp Paul Bert đỡ đầu về mọi phương-diện, khi ngài qua làm Khâm-sứ Trung và Bắc-kỳ. Mọi khản-khít của hai người tri-kỹ ấy (Paul Bert và Trương-vĩnh-Ký) đem lại cho hai nước Pháp-Nam rất nhiều điều hay trong buổi đầu gặp gỡ.

Sau 2 tháng ở đất Pháp, trên đường về nước, cụ được theo sứ-bộ viếng các xứ miền nam Âu-châu, như Bồ-đào-đà, Y-pha-Nho, Y-dại-lợi... Đến đâu, trí thông-minh cũng phụ-họa với tánh hiếu-kỳ mà giúp cụ tìm hiểu phong-tục, ngôn-ngữ để làm tài-liệu cho đường câu-học của cụ trong buổi tương-lai.

Bấy năm sau (1870), một sứ-bộ Y-pha-nho sang triều-kiến vua Tự-Đức. Vì sẵn biết tài-lực cụ Trương-vĩnh-Ký nên sứ-bộ có ghé trước Saigon xin cụ theo ra để đi làm thông-ngôn.

Ở Huế về, cụ lại du-lịch miền nam nước Tàu như Hương-cảng, Áo-môn, Quảng-châu. Trong vài tuần-lễ với khoản thời giờ ngắn-ngủ ấy cụ học được chắc chắn, theo lối thực-hành, tiếng lũng-quảng (dialecte Kouang-tonnais)!

Kể ra, cụ Trương-vĩnh-Ký được đi khỏi non sông đất Việt nhiều lần mà mỗi chuyến đi là một cơ hội làm giàu thêm cho sự-nghiệp văn-học của cụ. Ngày nay, nhìn lại bản kê các tác-phẩm của cụ, biết được cụ đọc và nói 15 từ-ngữ của Âu-châu và viết sành 11 thứ tiếng.

(langues) Viễn-dông, đảm hậu sanh chúng ta không khỏi rùn mình kính phục!

Đời của cụ là học và làm việc. Kể từ 5 tuổi thọ-giáo với một ông Đờ nho, rồi 9 tuổi đổi sang tây-học cho đến 62 tuổi từ già cõi trần, không mấy khi cụ sống những giờ nhàn rảnh. Trong mấy năm chót của đời cụ: cụ vẫn hằng-hải nhụng-sự văn-học. Một nhà du-lich Anh, J. Thomson, trong quyển « Mươi năm du-lich ở Tàu và Đông-Dương » có thuật lại cuộc hội-kiến giữa ông với cụ Trương-vĩnh-Ký tại cảnh nhà giản-dì của cụ ở Chợ-quan: « Tôi không bao giờ quên sự ngạc-nhiên của tôi khi người ta giới-thiệu tôi với cụ. Cụ nói chuyện với tôi bằng tiếng Anh rất suông-sẻ, có hơi lai giọng Pháp, và tiếng Pháp, cụ cũng nói không kém về đẹp đẽ, khéo léo.

« Tiếng Y-pha-nho, tiếng Bồ-đào-nha, tiếng Y-đại-lợi đối với cụ cũng quen thuộc như các tiếng Á-đông. Một ngày kia, đến thăm cụ, tôi thấy cụ đang soạn bộ « Phân-loại so-sánh những tiếng chánh trên thế-giới » (Analyse comparée des principales langues du monde), tác-phẩm ấy đã làm tốn công cụ tới 10 năm rồi. Chung quanh cụ, có đủ loại sách hiếm và quý mà cụ thấu-thập được, một phần ở Âu-châu, một phần ở Á-châu. Buổi chiều ấy

một giáo-sĩ đến chơi và khi tôi kiêu từ, hai người còn mê bàn cãi với nhau, bằng tiếng la-tinh, vài vấn-đề trong đạo »

Đời cụ là một gương tốt. Vì thế, học-giá Bouchot đã viết rằng: « Ta phải xem đời của cụ Trương-vĩnh-Ký là một bài học và một gương tốt cho ta. Một bài học, vì ta thấy người dân hoàn-toàn Nam-kỳ ấy, sánh kịp với các nhà thông-thái xứng đáng nhất của Âu-châu, trong đủ ngành khoa-học. . . »

Nếu quan-niệm về ý-nghĩa đời người là giúp ích và lưu lại một sự-nghiệp, thì cụ Trương-vĩnh-Ký là một người đã sống, tiếng sống hiền đúng theo nghĩa của nó.

Ta hãy để một bên đời chánh-trị của cụ — vì có lẽ đó không là chi-bướng của cụ — mà chỉ nhớ đến phần « hương-hỏa » gần 100 tác-phẩm đủ loại, của cụ để lại cho chúng ta. Những tác-phẩm ấy há chẳng giúp ích ta và chẳng là sự-nghiệp bất tử của cụ sao?

TRƯƠNG-SƠN-CHÍ
(Tân-an-thôn — Tây-Đô)

Độc «NAM-KY» chưa đủ
mà còn phải đọc
«ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ» nữa

RÉGION DE SAIGON-CHOLON

AVIS D'APPEL D'OFFRES

Soixante emplacements au pavillon n° 1 du marché de gros et de demi-gros (fruits et légumes) de Cầu-ông-Lanh seront adjugés par voie d'enchères publiques le Mardi 7 Septembre 1943, à 15 heures au marché de Cầu-ông-Lanh (vieux marché).

Les emplacements de ce pavillon seront exclusivement réservés aux marchands de gros et de demi-gros de fruits et de légumes.

Les clauses et conditions particulières de location de ces stands sont indiquées dans les cahiers des charges, déposés au bureau des Services Financiers et dans les bureaux de la Régie des marchés aux Halles Centrales et au Marché de Cầu-ông-Lanh.

Saigon, le 25 Août 1943.

L'Administrateur de la Région,

J. P. PARISOT



của HỒ BIỆU-CHÁNH

(Tiếp theo)

HÀNG nhớ gương mặt của cô giống như hình của cha, duy cô già hơn, da đã dòn, tóc đã bạc. Chẳng nhớ hình dạng, rồi nhớ tướng đứng ngồi, nhớ giọng nói chuyện; nhớ rồi sanh cảm trong lòng, rất ăn-năn không được gần cô cho thương, nếu rui có chết, thì thân-tộc có còn ai nữa đâu mà thương, yếu, mà nhắc nhớ chuyện cha ngày trước!

Xuống tới Chợ-lớn, Cang lật-dật kêu xe-kéo mà đi riết vô nhà cô, không nhớ tới con Mẹo, làm cho nó phải ôm gói quần áo thùng-thùng đi bộ mà về. Bước vô nhà, Cang liền thấy mình bấm trong cái không-khí lạnh-lẽo buồn-bực lạ-lùng. Vì cửa sổ đóng kín, nên nhà không sáng-sủa. Bà Bang Chiêu, ngồi trên bộ ván, còn một người đàn-bà nữa, Cang không biết là ai, thì dương đứng dựa cái ghế mà ầu trâu, hai người lặng thinh, mà sắc mặt lại nghiêm-nghi lắm.

Bà Bang Chiêu biết Cang, nên vừa thấy Cang bước vô thì bà liền nói: « Ý hai đầu nhiều lắm, cháu ơi! Hồi hôm cứ biểu kêu cháu hoài, nên sớm mai bà phải sai con Mẹo đi đó. Hồi này ý tình lại, ý có hồi vậy chớ cháu đã xuống tới hay chưa. »

Cang lật-dật bước vô buồng mà thăm cô. Bà Bang Chiêu đi theo và nói: « Nay giờ ý nằm im, không biết ý mê hay là ngủ. »

Cang đỡ mừng-lên, thấy cô nằm như ngủ, mắt nhắm khít, song hơi thở mạnh. Chẳng nắm tay cô mà lúc-lắc, có ý muốn có thức dậy dặng hỏi thăm, té ra cô cứ nằm tro-tơ, không mở mắt mà cũng không nói một tiếng chi hết.

Ông thầy-thuốc chặc vô. Bà Bang mới tuần mạch lại, mấy người trong nhà đều đứng im-lìm, mắt chong ngó ông thầy-thuốc, lòng trông cậy nơi ông lắm.

Chân mạch xong ông thầy-thuốc bước ra ngoài và lật đầu và nói tiếng Annam: « Khó lắm! Không có mạch được mà. Cầm nước rồi phong nhập-lý. Ngó lam hết sức mà không được, biết làm sao. Xin rước ông thầy khác, ngộ không dám hốt thuốc nữa. »

Cang năn-nỉ: — Xin ông rún cứu giùm cô tôi.

— Tôi rún lung lắm chớ, mà bà không tình dấy, tôi làm sao mà cứu.

Ông thầy thuốc về. Bà Bang nói với Cang: — Ông thầy thuốc nói như vậy đó nghĩa là ông chạy đa châu. Vậy cháu liệu coi bây giờ phải làm sao.

— Phải rước thầy-thuốc khác. Bà có biết ở Cholon hoặc Saigon đây, còn ông thầy-thuốc nào khác mà giỏi hay không?

— Ông thầy-thuốc đó thuốc nay có danh hơn hết, mà ông chạy, thì thầy khác làm sao mà cứu được.

— Thôi, để cháu rước thầy-thuốc Tây. — Ủ, cháu rước thầy-thuốc Tây thử coi. Mà bây giờ trưa rồi, người ta mắc ăn cơm rồi nghỉ trưa. Thôi, để 2 giờ rưỡi rồi cháu sẽ đi rước.

Cang ngo đồng hồ thì đã 12 giờ. Chẳng ngồi chống tay trên ghế, mắt ngó sững ra đường, sắc mặt buồn rầu và lo-lắng lắm.

Bà Bang kêu người đàn-bà kia mà nói: « Cô Sáu, từ hồi sớm mới tới giờ con Mẹo mắc đi Bình-nhâm, nên không có đi chợ nấu cơm được. Bình của ý Hai như vậy, chỉ em mình không nỡ bỏ đi về nhà ăn cơm. Vậy thời có Sáu lấy tiền dấy rồi biểu con Mẹo đi chợ mua cơm, mua thịt về cho bà con mình ăn đỡ. Mua dặng cho cháu nó ầu vôi; trưa rồi chắc nó cũng đói. Bè nào cũng phải có cơm dẫn bụng rồi lo tính công việc mới được. »

Người kêu là cô Sáu đó đáp: « Tôi có tiền dấy bà. Để tôi biểu con Mẹo đi mua đồ ăn. »

Bà Bang nói với Cang:

— Tội nghiệp ý Hai không có con, còn cháu thì ở xa, nên ý một mình quanh-biu, khi đau ốm không ai hết. Hồi hôm con Mẹo chạy lại cho tôi hay, tôi biểu nó đi kêu cô Sáu, rồi hai chị em tôi lo rước thầy hốt thuốc đó.

— Cháu cảm ơn bà với cô Sáu quá. Xin bà ở đây « à chỉ biểu giùm cho cháu, vì cháu còn khờ dại không hiểu việc chi hết. Nếu cô của cháu mạnh được thì cô cháu chẳng bao giờ dám quên ơn bà với cô Sáu.

— Thi bề nào cũng phải ở đây mà nuôi ý, chờ về sao được. Chị em quen với nhau thuở nay, thương yêu nhau cũng như ruột thịt. Nay ý Hai có bệnh thì phải hết lòng nuôi ý chờ sao. Lỗi sớm mới sai con Mẹo đi kêu cháu, bà tưởng bà thân cháu hay rồi cũng xuống nữa chứ.

— Trên nhà cháu cũng không có ai hết, nên bà thân cháu không thể bỏ nhà mà đi được.

— Tưởng xuống được thì chị em bàn tính với nhau mà lo săn sóc ý Hai.

— Xin bà liệu làm sao phải thì bà nhứt định rồi cháu sẽ làm y như lời bà dạy, vì sợ bà thân cháu xuống không được.

Cô Sáu ở trong buồng bước ra nói : « Ý Hai thừe đây, ý hồi cháu Cang đã xuống hay chưa ».

Bà Bang với Cang lật-đật đi vô. Cô Sáu vén mùng lên. Ý hai Thanh mở mắt, song hơi thở vẫn còn mạnh và mau, coi thể mệt lắm.

Cang đứng bên giường, nắm tay cô và hỏi nhỏ-nhỏ : « Bây giờ trong mình có thể nào ? Uống thuốc có khoẻ bớt hay không ? »

Ý Hai lật đầu và rưng-rưng nước mắt. Cang động lòng nên cũng chảy nước mắt và nói tiếp : « Để một chút nữa rồi cháu sẽ đi rước thầy thuốc Tây coi mạch và tiêm thuốc cho cô. Có lẽ uống thuốc Tây mau mạnh hơn ».

Ý Hai gác đầu. Cô Sáu bưng chén thuốc bắc lại, rồi lấy muỗng múc đổ cho ý uống vài ba muỗng.

Ý Hai thưng-thưng thờ tay vô túi lấy ra một xâu chìa khóa mà đưa cho Cang và nói : « Cất đi... Có bạc trong tú sắt, ở ngăn dưới... lấy chạy thuốc... ».

Nội có mấy tiếng mà coi bộ mệt nhọc, nên nhắm mắt lại.

Con Mẹo đi mua đồ ăn đá về. Cô Sáu coi dọn rồi mời bà Bang và Cang ra ăn.

Bà Bang nói : « Không hiểu đau bệnh gì mà kỳ quá. Mới hôm qua ý ghé nhà tôi, ý nói chuyện vui-vẻ như thường, có đau ốm chi đâu. Tôi đi tìm phải lãnh rồi sao lại nằm mê-mán như vậy đó không biết. Bà con mình phải rần chạy thuốc cho ý, bây giờ phải làm sao cho ý tỉnh lại rồi thưng-thưng cho uống thuốc mới được ».

Cang đáp : « Tiêm thuốc tây có lẽ tỉnh lại

được. Để ăn sơ ba hột rồi cháu đi hỏi thăm coi ông thầy thuốc Tây nào giỏi cháu rước. Xin bà với cô Sáu làm ơn ở nhà coi chừng giùm cô cháu. »

Đến 3 giờ chiều, Cang rước về một ông thầy thuốc Tây. Ông coi mạch rất lâu, cất tay lấy gần một chén máu, tiêm một mũi thuốc, rồi viết toa biểu mua một vè thuốc để mỗi giờ cho uống một muỗng. Trước khi lên xe mà về, ông Lối chuyện với Cang một hồi lâu rồi mới đi. Bà Bang với cô Sáu hỏi Cang vậy chờ ông thầy thuốc Lối bình định thế nào, thì Cang buồn mà đáp : « Ông thầy thuốc nơi cửa cháu có bệnh là tại mau nhiều rồi chạy mạnh quá, nhứt là chạy dồn lên óc. Tại mau lên óc nên mới mê ao. Ông cất mạch mà lấy bớt mau, thì có lẽ tỉnh lại được. Tuy vậy mà còn sợ Lối này... nếu máy dưng mau chạy lên óc rui dứt, mau tràn vô óc, thì không uế cứu được. Ông có hứa sáng mai ông sẽ trở lại. Nếu đêm nay mà có cháu tỉnh lại, nghĩa là đường mau lên óc không uế, thì ông sẽ bảo lãnh sanh mạng của cô cháu. Vậy vài cô cháu tỉnh lại thì có lẽ uống thuốc rồi mạnh được. Bây giờ phải lấy toa đi mua thuốc về cho uống theo như lời ông thay ạ. »

Cô Sáu nói : « Thầy Tây họ cất nghĩa lành-re như vậy mình mới hiểu, chờ thấy các-chú họ cứ nói « cảm » với « phông » hoài, mình không hiểu gì hết. Thôi, đưa cái toa cho tôi đăng tôi ra nhà thuốc Tây tôi mua thuốc cho. »

Cang mở tú sắt ngăn dưới ra, thấy có một hộp bạc mi đựng dây bạc giấy, bên lấy một tấm giấy 5 đồng mà đưa cho cô Sáu với cái toa thuốc. Cô Sáu lên xe kéo đi rồi thì bà Bang hỏi Cang :

— Cháu biết cô Sáu này là ai-hay không ?

— Thưa, không.

— Hồi trước ý Hai muốn nói mà cưới cô cho cha cháu. Cha cháu chê, không chịu cưới. Cô phiền rồi cô ở một mình mà buồn bán từ hồi đó tới giờ, cô không thêm lấy chồng.

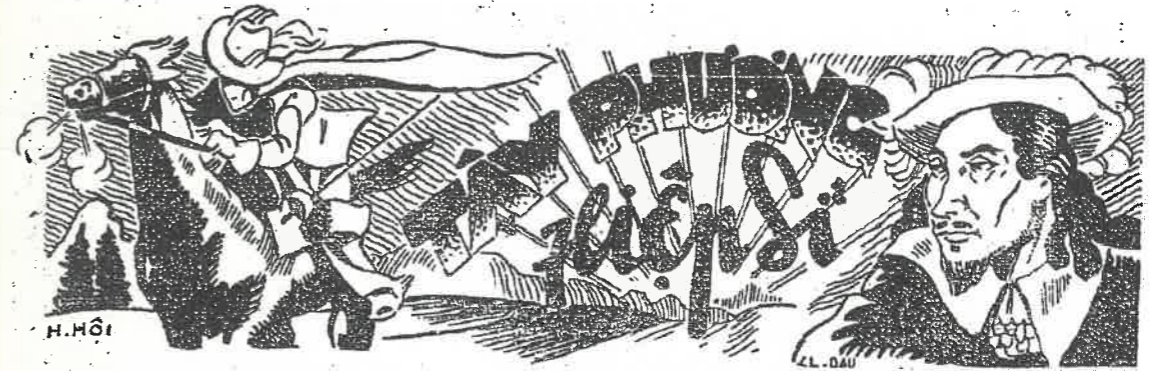
— Có chuyện như vậy hay sao ? Cháu không dè.

— Tôi nghiệp, cô có bụng tốt lắm, tuy không được làm em dâu của ý Hai, song vẫn thương yêu cưng kính ý Hai luôn luôn, hay ý Hai đâu thì bỏ buôn bán lại ở nuôi ý Hai đó.

— Thuở nay cháu không được gặp cô lần nào.

— Tại cô không muốn cho cháu gặp.

(Còn tiếp)



D'Artagnan gày nút áo lại rồi đi thẳng tới dinh Đại-trưởng Monck tức là Quận-công D'Albemarle. Quận-hầu cung kính rước ngài và đưa vào phòng việc.

D'Artagnan thấy Monck bèn thi lễ rồi ra bộ thật-thả nói : — Thưa Quận-công, tôi đến đây để nhờ Quận-công dạy bảo cho một điều.

— Túc-hạ cứ tự-tiện.

— Trước khi nói, tôi xin Quận-công hứa với tôi hai điều : một là giữ kín chuyện này, hai là xin ngài mở lượng khoan-hồng thì tôi mới dám can lời.

— Được, tôi hứa cùng túc-hạ hai điều ấy.

— Thưa ngài, tôi không lấy làm bằng lòng nhà vua cho lắm.

— A, thật vậy sao ? Túc-hạ không bằng lòng về chuyện chi ?

— Thưa ngài, bề-hạ có khi hay nói chơi, động đến danh-giá của bề-tôi, mà theo ý ngu của tôi thì sự chế-giễu là một môn binh-khí hay kích-thích lòng tự-ái của phái kiếm-khách như ngài và tôi đó !

Monck nghe nói trong lòng bất then, song rán sức gương lại, không cho vẻ trên lộ ra ngoài, nhưng mà D'Artagnan chăm-chỉ ngó ngài, đã thấy hai gò má của ngài cũng không tránh khỏi ửng đỏ.

Monck lại nói một cách rất tự-nhiên : — Túc-hạ thì vậy, chờ còn về phần tôi, tôi không nghịch hẳn với sự chế-giễu. Muốn cho được chắc túc-hạ cứ hỏi quân-sĩ của tôi, chúng nó sẽ thuật chuyện lại cho túc-hạ nghe. Khi tôi còn đồn binh ở New-castle, có nhiều khi tôi nghe quân-sĩ hát nhiều bài của chúng học lóm của quân-sĩ Lambert, kiêu ngạo tôi, nhưng tôi cũng không thêm để ý.

— Thưa ngài, tôi biết ngài là một người hoàn toàn, tôi biết, ngài đã từng vượt qua cái khó-hải của người đời, nhưng mà ngài nên biết rằng chế-giễu có nhiều cách và trong đó có sự chế-giễu nó làm cho tôi phải tức giận sôi gan.

— Những sự chế-giễu nào làm cho sôi gan, túc-hạ nói cho tôi nghe ?

— Vì như những sự chế-giễu can phạm đến bang-bữ của tôi hay là những người mà tôi tôn-kính.

KIỂM-HIỆP TIÊU-THUYẾT
do Thân-Văn
— Nguyễn-văn-Quí —
dịch truyện :
Le Vicomte de Bragelonne
của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

— Tôi chưa được hiểu cho lắm, xin túc-hạ cất nghĩa nghe coi, cất nghĩa cho tôi biết coi tại làm sao cái mũi kim nó chít người khác mà lại động tới da của túc-hạ ?

— Thưa ngài, tôi nói một câu này thì ngài đủ hiểu : lời nói người ta chế-giễu người của tôi tôn-kính tức là gài vậy.

Monck bước tới một bước hỏi :

— Người ta chế-giễu tôi a ?

— Thưa ngài nhâm và chính là chỗ mà tôi không cất nghĩa được. Tôi không hiểu tại làm sao nhà vua lại nở lòng nào kêu-ngạo một người đã giúp cho nhiều việc hết sức lớn-lao, tại làm sao nhà vua lại đem ngài là một con sư tử mà cho chọi với tôi là một con mòng con, như vậy ?

— Tôi cũng không hiểu tại làm sao ?

(Còn nữa)

Cần cáo

Các bạn đọc yêu qui đã nhận thấy số báo này là số kỷ-niệm cụ Sĩ-Tài Trong-vinh-Kỷ. Rồi đây các bạn sẽ còn thấy nhiều số kỷ-niệm khác nữa.

Số 51 ngày 9 Septembre là số kỷ-niệm cụ Nguyễn-Du. Trong số ấy có nhiều bài nói về những đấng tiên, nho quá cố đã có công xây đắp nền văn-học nơi đất Đông-Nai.

Số 52 ngày 16 Septembre là số Trung-Thu tất nhiên sẽ có bài về lễ ấy.

Số 53 ngày 23 Septembre là số kỷ-niệm đức Khổng-Tử, người lập nền tảng luân-lý cho dân Việt-Nam. Trong số ấy sẽ có nhiều bài về nho giáo, về nho hạnh, về tiên hiền, về thể thức lễ tự Khổng-Thánh, v. v.